

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

**PL 03 - DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP HỌC PHÍ THEO NIÊN CHẾ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT**

(Kèm theo thông báo số 920 /ĐHKT-KHTC ngày 11 / 04 /2019)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Học phí còn nợ
1	16050744	Lê Xuân Hiền	04/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
2	16050776	Nguyễn Sơn Long	05/28/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
3	16050780	Trần Thị Hà My	04/07/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
4	16050815	Lê Hoa Thiên Thảo	11/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
5	16052374	Nguyễn Hoàng Tùng	05/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
6	16051011	Nguyễn Đức Anh	05/28/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	4,050,000	13,450,000	13,450,000	-
7	16051028	Nguyễn Hữu Dũng	04/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
8	16051146	Phạm Thị Cẩm Tú	05/13/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
9	16052335	Nguyễn Thị Thanh Hương	05/14/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
10	17050573	Hoàng Thái Dương	11/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
11	17050642	Nguyễn Thị Tâm	07/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
12	17050643	Đặng Xuân Thanh	12/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
13	17050556	Nguyễn Tuấn Anh	04/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
14	17050584	Vũ Thị Thu Hằng	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
15	17050611	Nguyễn Lê Diệu Linh	05/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16	17050644	Hà Minh Thảo	02/26/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
17	17050646	Trần Thị Thanh Thúy	11/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
18	17050691	Nguyễn Sơn Lâm	09/25/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
19	17050700	Phạm Công Minh	12/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
20	17050709	Phạm Hà Phương	01/20/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
21	17050721	Bùi Mai Thương	12/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
22	17050726	Bùi Quỳnh Trang	06/26/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	4,050,000	13,450,000	-	13,450,000
23	17050728	Nguyễn Đỗ Ngọc Trinh	09/11/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
24	17050739	Nguyễn Khánh Duy	01/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
25	17050744	Nguyễn Thanh Hằng	10/07/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
26	17050746	Phạm Đức Huy	08/08/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
27	17050749	Nguyễn Khánh Linh	10/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
28	17050752	Vương Thị Hương Ly	12/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
29	17050755	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
30	17050756	Trịnh Thị Thanh Phúc	02/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
31	18051069	Trần Diệu Linh	02/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
32	18051088	Đỗ Mai Phương	08/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
33	18051109	Nguyễn Thị Minh Thu	12/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Học phí còn nợ
34	18051022	Ngô Bình Dương	09/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
35	18050555	Nguyễn Thị Phương	03/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
36	18050575	Hoàng Phương Thảo	12/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
37	18050579	Lê Thị Thảo	07/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
38	18050634	La Hải Yến	06/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
39	18050432	Nguyễn Lê Dũng	02/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
40	18050537	Lê Bảo Nguyên	06/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
41	18050608	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	08/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
42	18050628	Trương Diễm Trang Vi	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
43	18050612	Phạm Huyền Trang	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
44	18051133	Phạm Hoàng Long	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
45	18050434	Thái Minh Dũng	09/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
46	18050474	Tạ Diễm Hương	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
47	18050631	Văn Ngọc Vinh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
48	18050675	Đào Ngọc Ánh	04/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
49	18050773	Phạm Đoàn Trà My	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
50	18050799	Nguyễn Văn Phương	07/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
51	18050662	Nguyễn Phương Anh	06/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
52	18050652	Hà Quỳnh Anh	05/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
53	18050718	Trần Thu Hiền	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
54	18050737	Nguyễn Tuấn Khang	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
55	18050755	Hoàng Ngọc Long	07/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
56	18050756	Phạm Kim Long	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
57	18050776	Bùi Thị Bích Ngọc	03/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
58	18050809	Nguyễn Trọng Tấn	09/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
59	18050820	Nguyễn Anh Thư	10/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
60	18050849	Cao Tuấn Minh	04/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
61	18050936	Đinh Vân Nga	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
62	18050855	Đỗ Hiền Anh	09/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
63	18050884	Nguyễn Mạnh Dũng	11/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
64	18050889	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
65	18050945	Tào Lê Yến Nhi	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
66	18050973	Trần Thu Trang	07/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
67	18050862	Phạm Ngọc Vân Anh	07/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
68	18050960	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-

Danh sách gồm 68 sinh viên